

Số: 19/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Căn cứ vào các Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 660/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/12/2021 tại Tòa án nhân dân quận B.

Người yêu cầu:

- Anh **Nguyễn Quang Đ**, sinh năm 1983; HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn V, xã N, huyện Đ, thành phố H;
- Chị **Lương Ngọc A**, sinh năm 1989; HKTT và nơi ở hiện nay: Phố V, phường V, quận B, thành phố H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận C, thành phố H ngày 20/2/2013, số giấy 55, quyển số 01/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A yêu cầu Tòa án nhân dân quận B công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/12/2021 tại Tòa án nhân dân quận B là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A xác nhận có 01 con chung, tên là Nguyễn Thái A, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2013. Ly hôn, anh, chị thống nhất thỏa thuận: Chị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ (Ba triệu) đồng/tháng kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A xác nhận: không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, anh, chị tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A xác nhận không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

[5]. Về lệ phí tòa án: Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A thống nhất: Chị Ngọc A chịu toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra, anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A.

- Về con chung: Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A xác nhận có 01 con chung, tên là Nguyễn Thái A, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2013.

Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của anh Đ và chị Ngọc A: Giao cháu Nguyễn Thái A, sinh ngày 15 tháng 9 năm 201 cho chị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Quang Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A xác nhận: không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án

giải quyết, nên Tòa không xem xét. Sau khi ly hôn, anh, chị tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Nguyễn Quang Đ và chị Lương Ngọc A xác nhận không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết, nên Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lương Ngọc A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số 0067703 ngày 23/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận B;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH;
- Các đương sự;
- Tòa án ND TP. H;
- Chi cục THA DS quận B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Thị Sen